

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên :

Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 01 / Dương Thị Miên ;

Nghd. : TS. Nguyễn Ngọc Thanh

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế phát triển không những là mục tiêu của mỗi quốc gia, mỗi ngành mà còn là mục tiêu của mỗi đơn vị sản xuất. Để có một nền kinh tế phát triển, luôn đòi hỏi phải có một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó cần xác định rõ mối quan hệ giữa các ngành kinh tế, giữa các vùng lãnh thổ và giữa các thành phần kinh tế. Khu vực kinh tế nông thôn tồn tại và phát triển luôn gắn liền với tổng thể các quan hệ kinh tế nhất định. Khu vực kinh tế này đã và sẽ cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, thích ứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội trong từng thời kỳ. Cơ cấu kinh tế nông thôn là tổng thể các mối quan hệ kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ trên một địa bàn nông thôn nhất định, là biểu hiện mối quan hệ tương đối ổn định giữa các ngành, các vùng, các yếu tố của một quá trình sản xuất và tái sản xuất trong điều kiện kinh tế xã hội và chính trị nhất định. Cơ cấu kinh tế nông thôn là nhân tố quan trọng hàng đầu để tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững.

Ở Việt nam trong quá trình chuyển dịch cơ chế quản lý nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá với chiến lược mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, với mục tiêu năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại thì việc chuyển cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng là một tất yếu khách quan.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực chất cũng là quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới. Do đó, đây là vấn đề to lớn, quan trọng, cấp thiết được Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm cùng với quá trình thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn luôn coi nông thôn là địa bàn trọng điểm, nông nghiệp là khâu đột phá, xác định phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ thuần nông sang một nền kinh tế phong phú, đa dạng theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tương đối tỷ trọng nông nghiệp.

Phát triển kinh tế nông thôn không chỉ có ý nghĩa quan trọng về kinh tế mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về ổn định chính trị, xã hội hiện nay ở nước ta. Thực tiễn những năm đổi mới đất nước vừa qua, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ xảy ra ở khu vực Đông Nam á đã chứng minh: do kinh tế nông nghiệp và nông thôn có bước phát triển, ổn định nên sự khủng hoảng tài chính

tiền đề tác động đến kinh tế, chính trị, xã hội của Việt nam có mức độ và ít nghiêm trọng. Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát triển kinh tế nông thôn và bước đầu đã đạt được các thành tựu quan trọng, góp phần thực hiện công cuộc đổi mới của nước ta.

Hung Yên là một tỉnh đồng bằng, diện tích 923,1km², dân số 1,1 triệu người. Lao động và sản xuất hiện nay chủ yếu diễn ra trên địa bàn nông thôn, nông nghiệp. Đây là tỉnh có vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Trong thời gian gần đây, tỉnh này Hưng Yên đã có những chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; nhưng sự chuyển dịch đó vẫn còn chậm, vẫn còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Việc nghiên cứu làm sáng tỏ thêm những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo theo quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Hưng Yên có ý nghĩa quan trọng để tìm ra các giải pháp hữu hiệu bảo đảm sự bền vững của chuyển dịch và rút kinh nghiệm đối với các tỉnh kinh tế trọng điểm khác trong cả nước góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước tiến lên CNXH như Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra.

Vì vậy nghiên cứu vấn đề “ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên” là một yêu cầu hết sức khách quan, cần thiết, quan trọng và góp phần xây dựng, phát triển kinh tế xã hội ở Hưng Yên trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới.

2. Tình hình nghiên cứu:

Cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn là những vấn đề được rất nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu và là chủ đề được đưa ra trao đổi, bàn luận trong nhiều hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế.

Ở Việt Nam, do sớm nhận thức được tầm quan trọng, tính bức thiết của vấn đề phát triển nông thôn theo hướng CNH-HĐH, Đảng và Nhà nước đã ban hành hệ thống các cơ chế, chính sách, pháp luật.

Tác giả Nguyễn Kế Tuấn có một công trình có liên quan. Trong tác phẩm "Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam- con đường và bước đi"(Năm 2006) tác giả đã đưa ra các khái niệm, mục tiêu, nội dung, bước đi và các giải pháp thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở nước ta từ nay đến năm 2020. Những điều lý giải tổng quát đó về con đường, bước đi và các giải pháp thực hiện quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn đặt ra một logic tiếp cận và giải quyết vấn đề: xác định rõ mục tiêu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; xác định những nội dung cụ thể của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; xác định con đường đi ngắn nhất, cách đi nhanh nhất để đạt được mục tiêu xác định; xác định các chặng đường và các giải pháp cần

thực hiện. Các vấn đề đó đã được tác giả Nguyễn Kế Tuấn phân tích rõ bối cảnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

T.S Lê Quang Phi có tác phẩm “ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới” (năm 2007) đã trình bày yêu cầu khách quan của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn ở nước ta; đã tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua.

Bên cạnh đó có nhiều nhà khoa học và thực tiễn nghiên cứu như: *Về giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn hiện nay* - năm 2005 (của tác giả Nguyễn Xuân Dũng); *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn* - năm 2002 (của tác giả Nguyễn Sinh Cúc); *Xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” – năm 2001 (của tác giả Lê Cao Đoàn và Đỗ Hoài Nam)

Từ các công trình nghiên cứu trên cho thấy: cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào mang tính toàn diện, sâu sắc, bài bản về vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại đối với tỉnh Hưng Yên nhất là từ khi tái lập tỉnh đến nay (từ 01/01/1997) đến nay. Vì vậy, trong luận văn này, tác giả đi sâu phân tích, đánh giá những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn một cách có hiệu quả của tỉnh Hưng Yên; đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm sự chuyển dịch trên địa bàn nông thôn của tỉnh Hưng Yên theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn về cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. và vận dụng vào điều kiện Việt Nam, trực tiếp là tỉnh Hưng Yên

- Phân tích, đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của tỉnh Hưng Yên trong thời gian từ 1997- 2008 và dự báo đến năm 2015. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn một cách có hiệu quả

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian: giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2008, dự báo cho cả thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến các năm 2010 và 2015.

Phạm vi không gian

Luận văn tập trung nghiên cứu chủ yếu ở tỉnh Hưng Yên 10 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 01 thành phố, 09 huyện (có 07 phường, 09 thị trấn và 145 xã)

5. Phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu

5.1. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp
- Để bổ sung thông tin, nghiên cứu sâu hơn các vấn đề, tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra khảo sát thực tế, thu thập thông tin, số liệu của các địa phương trong tỉnh Hưng Yên.

5.2. Nguồn số liệu

- Số liệu thứ cấp: số liệu báo cáo từ các cơ quan có liên quan của Đảng và Nhà nước, các kết quả đã công bố của các hội nghị, hội thảo, các cuộc điều tra, khảo sát và đề tài nghiên cứu khoa học do các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài nước thực hiện.

- Số liệu sơ cấp: những thông tin, số liệu thu thập thông qua việc đi khảo sát thực tế tại các địa phương trong tỉnh Hưng Yên của bản thân tác giả.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn đã có những đóng góp chính sau đây:

- Khái quát những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn liên quan đến cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả.
- Phân tích được quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian từ 1997-2008 và dự báo cho cả thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đến năm 2015
- Xây dựng quan điểm, đề xuất được định hướng và các giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả trong thời kỳ sắp tới

7. Bố cục của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục số liệu và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Chương 2: Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên

Chương 3: Quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian sắp tới.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN

1.1. Cơ cấu kinh tế nông thôn

1.1.1. Cơ cấu kinh tế

1.1.1.1. Khái niệm cơ cấu kinh tế

“Cơ cấu kinh tế” là một khái niệm rộng và quá trình hình thành, phát triển của nó chính là quá trình thực tế ra đời và xác lập của một phương thức sản xuất. *Chính toàn bộ quan hệ giữa những người đảm nhiệm sản xuất với nhau và giữa họ với tự nhiên - tức là những điều kiện trong đó họ tiến hành sản xuất - toàn bộ những quan hệ đó hợp thành những quan hệ xã hội, xét về mặt cơ cấu kinh tế của nó.*

Cơ cấu kinh tế còn thể hiện trên cả hai mặt: chất lượng và số lượng. Cơ cấu là một sự phân chia về chất lượng và một tỷ lệ về số lượng của những quá trình sản xuất xã hội.

Cơ cấu kinh tế là một phạm trù kinh tế, là tổng thể các mối quan hệ lao động và phát triển kỹ thuật một cách mạnh mẽ làm thay đổi toàn bộ hay phần lớn về chất lượng cũng như số lượng tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế hoặc các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một hệ thống tái sản xuất xã hội, với những điều kiện kinh tế xã hội nhất định, vào một khoảng thời gian nhất định.

1.1.1.2. Phân loại cơ cấu kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế là tổ hợp ngành kinh tế được hình thành trên các tương quan tỷ lệ, biểu hiện mối quan hệ tổng hợp giữa các ngành với nhau và phản ánh trình độ phân công lao động xã hội của nền kinh tế và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Biểu thị cơ cấu ngành kinh tế bằng vị trí, tỷ trọng của mỗi ngành trong hệ thống nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu ngành kinh tế là biểu hiện quan trọng nhất và đặc trưng nhất của cơ cấu kinh tế. Cơ cấu theo ba nhóm ngành lớn: Nhóm ngành nông lâm ngư nghiệp hay còn được gọi là khu vực I (hay ngành nông nghiệp), gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và ngư nghiệp; Nhóm ngành công nghiệp, xây dựng hay còn được gọi là khu vực II (hay ngành công nghiệp), gồm các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp khai thác, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, công nghiệp lọc dầu; Nhóm ngành dịch vụ hay còn được gọi là khu vực III, gồm các ngành thương mại, du lịch, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng, bưu điện và các ngành dịch vụ khác.

Việc phân tích cơ cấu của nền kinh tế theo các khu vực dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội, tuy nhiên vẫn chưa thể thấy rõ những hạt nhân căn cốt của chính cơ cấu. Không phải khi nào tỷ trọng công nghiệp cao cũng nói lên cơ cấu kinh tế hiện đại hoặc cơ cấu kinh tế có hiệu quả.

Cơ cấu kinh tế lãnh thổ

Cơ cấu kinh tế lãnh thổ là kết quả của phân công lao động xã hội theo lãnh thổ. Nếu cơ cấu ngành kinh tế được hình thành từ quá trình thực hiện chuyên môn hoá sản xuất thì cơ cấu lãnh thổ

hình thành từ việc phân bố sản xuất theo không gian địa lý. Cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu ngành kinh tế là hai mặt của cơ cấu kinh tế. Chúng ta phải chia lãnh thổ thành những vùng có quy mô lớn để hoạch định chiến lược, chính sách phát triển. Các vùng lớn đó có ý nghĩa như những khung sườn để các địa phương nằm trong đó làm căn cứ hoạch định chính sách phát triển cho địa phương mình.

Cơ cấu thành phần kinh tế

Việc phân loại cơ cấu của nền kinh tế theo thành phần kinh tế là để xem có bao nhiêu loại hình kinh tế tồn tại, phát triển trong hệ thống kinh tế dưới góc độ sở hữu; trong đó loại hình kinh tế nào có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Các thành phần kinh tế ở nước ta là kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Một cơ cấu thành phần kinh tế hợp lý phải dựa trên cơ sở hệ thống tổ chức tinh tế với chế độ sở hữu có khả năng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự phân công lao động xã hội và quan hệ sản xuất... làm biến đổi các hiện tượng và quá trình kinh tế của từng vùng cũng như trên phạm vi cả nước.

1.1.2. Cơ cấu kinh tế nông thôn

1.1.2.1. Khái niệm cơ cấu kinh tế nông thôn

Cơ cấu kinh tế nông thôn là một tổng thể các mối quan hệ kinh tế trong khu vực nông thôn, nó có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau theo những tỷ lệ nhất định về mặt lượng và liên quan chặt chẽ về chất; chúng tác động qua lại lẫn nhau trong không gian và thời gian nhất định, phù hợp với những điều kiện kinh tế – xã hội nhất định, tạo ra một hệ thống kinh tế ở khu vực nông thôn thống nhất trong toàn bộ nền kinh tế của một quốc gia

Cơ cấu kinh tế nông thôn là một phức hợp của những nhân tố cấu thành của một lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông - lâm - ngư nghiệp, cùng với các ngành thủ công truyền thống, các ngành tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và phục vụ nông nghiệp, các ngành thương nghiệp và dịch vụ. Tất cả có quan hệ hữu cơ với nhau trong kinh tế vùng và lãnh thổ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

1.2.1. Khái niệm

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hợp lý theo con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá là làm biến đổi cơ bản, toàn diện kinh tế – xã hội về cả nội dung lẫn hình thức tổ chức sản xuất, cả quy hoạch tổ chức sản xuất, quy hoạch đồng ruộng, quy hoạch nông thôn, lẫn đời sống nhân dân.

Mục tiêu của quá trình này gồm các vấn đề: từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ ngoài đồng, nhằm xoá đói giảm nghèo, công bằng xã hội, đô thị

hoá nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá gắn liền với việc hợp tác hoá và phát triển nông nghiệp chế biến hàng nông sản. trên cơ sở thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương. Cùng với sự phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, các hình thức dịch vụ như thương mại, tín dụng, kỹ thuật nông nghiệp, vận tải, thông tin, văn hoá, giải trí...được phát triển rộng rãi ở nhiều vùng nông thôn.

1.2.2. Yêu cầu khách quan của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta

Nông thôn luôn tồn tại khách quan trong mọi chế độ xã hội, có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Những sản phẩm của kinh tế nông thôn không những đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của đời sống xã hội, mà còn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo cơ sở cho công nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế, xã hội, xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, đối với mọi quốc gia, khai thác nguồn lực, tiềm năng to lớn trong khu vực này, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, nhất là đối với các quốc gia đi lên từ nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu.

Ở nước ta, trong quá trình lãnh đạo xây dựng, phát triển đất nước, Đảng cộng sản Việt Nam luôn khẳng định tầm quan trọng của nông nghiệp, nông thôn và có những chủ trương, chính sách đúng đắn thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Điều đó xuất phát từ những lý do sau:

- Nguồn nhân lực lao động dồi dào, tiềm năng trong nông thôn còn rất lớn, đây là điều kiện có sẵn, lợi thế cơ bản của đất nước cần được khơi dậy và phát huy, thúc đẩy sản xuất phát triển.
- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại xuất phát từ yêu cầu của phát triển bền vững và nâng cao đời sống xã hội nông thôn.
- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại xuất phát từ tình trạng yếu kém của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

1.2.3. Nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:

Một là, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn lạc hậu sang cơ cấu kinh tế mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá với năng suất cao hơn, chất lượng, hiệu quả hơn.

Hai là: thực hiện thuỷ lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá trong các ngành sản xuất nông nghiệp.

Ba là, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới trong các vùng nông thôn.

Năm là, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

1.2.4. Các chỉ tiêu phản ánh và nhân tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

1.2.4.1 Chỉ tiêu phản ánh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:

Cơ cấu GDP

Cơ cấu lao động đang làm việc trong nền kinh tế

1.2.4.2. Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng: Vị trí địa lý, địa hình đất đai, sông ngòi nguồn nước và khí hậu, phong tục, tập quán canh tác và sản xuất của vùng, lao động và trình độ lao động trong nông nghiệp - nông thôn, thế mạnh kinh tế của vùng. Đây là yếu tố tạo điều kiện cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Tiến bộ khoa học kỹ thuật. Là yếu tố quan trọng, có vai trò thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Nhu cầu thị trường hàng nông sản. Trong sản xuất hàng hoá nông sản thì thị trường là yếu tố quyết định, trả lời câu hỏi sản xuất cái gì? Thị trường là yếu tố đầu tiên, quyết định trong việc sản xuất hàng hoá.

Vốn đầu tư trong nông nghiệp nông thôn. Vốn đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn tác động đến quá trình mở rộng quy mô sản xuất, hay đầu tư sản xuất theo chiều sâu đó chính là quá trình đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, cải tạo giống, phòng trừ dịch bệnh.

Các chính sách. Các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển của nông nghiệp, Tạo ra những môi trường và điều kiện thuận lợi qua đó thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tích cực.

1.3. Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của một số tỉnh:

1.3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Phú Thọ

Từ một tỉnh miền núi thiếu lương thực, Phú Thọ đã vươn lên đứng thứ 2 trong 11 tỉnh vùng Đông Bắc bộ về sản xuất lương thực và đứng đầu cả nước trong lĩnh vực sản xuất chè đen, đưa Phú Thọ vươn lên vị trí số 1 trong 14 tỉnh Trung du miền núi Bắc bộ và đứng thứ 18 trong cả nước về sản xuất công nghiệp.

Trong những năm qua cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của Phú Thọ thay đổi theo xu hướng tạo ra giá trị kinh tế cao và sử dụng đất đai, nguồn lao động tốt hơn. Kinh tế nông thôn đang từng bước phát triển, hoạt động dịch vụ và nhiều làng nghề truyền thống được quan tâm đầu tư tạo điều kiện cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

1.3.2- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Vĩnh Phúc

Năm 1997, khi mới tái lập, Vĩnh Phúc là một tỉnh thuần nông, diện tích tự nhiên 1.371 km²; dân số hơn 1,1 triệu người, GDP bình quân thu nhập đầu người chỉ bằng 48% GDP bình quân đầu người của cả nước. Vĩnh Phúc được tái lập với điểm xuất phát thấp: Kinh tế thuần nông, tỷ trọng nông nghiệp chiếm trên 52% giá trị GDP, công nghiệp chỉ chiếm trên 12%;

Mười năm qua Vĩnh Phúc là một trong 10 tỉnh có tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh nhất so với các tỉnh khác trong nước. chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại.

1.3.3. Một số bài học rút ra cho quá trình chuyển dịch kinh tế nông thôn ở Hưng Yên

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN Ở TỈNH HUNG YÊN

2.1- Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Hưng Yên.

2.1.1. Vị trí địa lý

2.1.2. Dân số và nguồn nhân lực

2.1.3- Điều kiện xã hội.

2.1.4- Điều kiện kinh tế

2.2 Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Hưng Yên giai đoạn 1997-2008

2.2.1 Chuyển dịch cơ cấu GDP theo ngành

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực trong tất cả các ngành, các lĩnh vực. Tỷ trọng nông lâm nghiệp liên tục giảm từ 51.87% năm 1997 xuống 38,04% năm 2001; 30,50% năm 2005 và năm 2008 còn 27,66%. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 20.26% năm 1997; 32,44% năm 2001 lên 42,63% năm 2008. Tỷ trọng các ngành dịch vụ trong GDP tăng từ 27,87% năm 1997, lên 29,52% năm 2001, 31.47% năm 2005, và đạt 29,71% vào năm 2008.

**Bảng 2.1: Tình hình chuyển dịch cơ cấu GDP theo ngành
trên địa bàn Hưng Yên thời kỳ 1997-2008**

Năm	GDP (tỷ đồng)	Tỷ trọng các ngành trong GDP (%)		
		Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1997	2.581,1	51,87	20,26	27,87
2001	4.598,3	38,04	32,44	29,52
2005	8.238,5	38,50	38,03	31,47
2007	12.071,9	28,91	41,08	33,02
2008	15.071,9	27,66	42,63	29,71

Nguồn: Niên giám thống kê 2007, 2008 tr. 34

Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp cũng có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm, tỷ trọng ngành chăn nuôi, dịch vụ tăng, từng bước nâng cao giá trị, thu nhập và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Tỷ trọng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt giảm từ 66.67% năm 1997 xuống còn 58,46% năm 2008, ngành chăn nuôi tăng từ 31.78% (1997) lên 40,09% (2008), ngành dịch vụ từ 1,46% (1997) giảm còn 1,45 % (2008).

**Bảng 2.2: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của Hưng Yên giai đoạn 1997-2008
(theo giá thực tế %)**

Năm	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
1997	66,67	31,78	1,46
2001	69,85	28,62	1,53
2005	60,49	37,94	1,57
2007	52,17	46,15	1,68
2008	58,46	40,09	1,45

Nguồn: Niên giám thống kê 2007, 2008 tr. 85

Trồng trọt

Có sự biến động về giá trị sản xuất và cơ cấu qua các từng thời kỳ, nhưng trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng chính của ngành nông nghiệp:

Năm 2008 tổng giá trị ngành trồng trọt đạt 2.018 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994). Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5,49%.

Cơ cấu giá trị sản xuất năm 2008 chiếm 58,46% ngành nông nghiệp, đã giảm 8,3% so với năm 1997. Mặc dù diện tích canh tác năm 2008, giảm (5108 ha) so với năm 1997, nhưng giá trị sản xuất vẫn tăng 3807,8 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

Bảng 2.3 : Một số chỉ tiêu ngành trồng trọt (1997 - 2008)

Chi tiêu	Qua các năm				
	1997	2001	2005	2007	2008
A. Cây hàng năm					
<i>I. Diện tích gieo trồng (ha)</i>	119.823	118.929	115.632	113.441	113.547
1. Cây lương thực :	103.538	93.792	89.517	89.633	90.937
Trong đó : - Lúa	89.360	89.295	82.574	80.425	81.749
- Ngô	7159	4.497	6.943	9.208	9.188
3. Cây công nghiệp	6254	7.913	9.636	6.396	5.416
<i>II. Sản lượng sản phẩm chính (tấn)</i>					
1. Lúa	453.458	506.957	506.847	491.112	514.521
2. Ngô	10.662	15.795	30.243	43.975	47.168
3. Đậu tương	2749	6.779	13.139	7.852	6.924
4. Lạc	3641	6.285	5786	5.229	4.433
5. Đay	4712	2.500	865	645	296
B. Cây ăn quả lâu năm					
<i>I. Diện tích (ha)</i>	5.000	5.863	7155	8.128	7.873
<i>II. Sản lượng (tấn)</i>					
Trong đó :					
1. Nhãn , vải	13.985	26.000	26.631	42.712	46.825
2. Cam, quýt	2415	5.580	17.882	24.649	21.090

Nguồn: Niên giám thống kê 2007, 2008 tr. 94

Diện tích cây lúa cả năm là 80.425 ha, giảm 1.025 ha do chuyển sang trồng cây lâu năm giá trị kinh tế cao, nuôi thả thủy sản, phát triển công nghiệp, đô thị. Diện tích lúa hàng hoá chất lượng cao tăng nhanh, đạt trên 44,5% tổng diện tích (tăng 3% so năm 2006). Nhiều loại cây trồng giống mới có năng suất, chất lượng cao và rau màu có giá trị xuất khẩu được đưa vào sản xuất

Năng suất lúa tăng từ 50,75 tạ/ha năm 1997 lên 61,73 tạ/ha năm 2004 và 62,94 tạ/ha năm 2008. Sản lượng lúa đạt 453.458 tấn (1997) lên 514.521 tấn năm 2008.

Rau màu: địa bàn tỉnh Hưng Yên đã hình thành những vùng chuyên canh rau màu, đem lại hiệu quả kinh tế cao như: ngô nếp, bí xanh, dưa bao tử. Đây cũng là những vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Theo ước tính, các vùng chuyên canh cho giá trị thu nhập từ 60-70 triệu đồng/ha.

Cây ăn quả: Do nhu cầu tiêu dùng trong nước và khả năng xuất khẩu có chiều hướng tăng lên diện tích cây ăn quả tăng nhanh trong 6 năm qua từ 6.774 ha năm 2003 lên 7.873 ha năm 2008 (trong đó nhãn, vải là 3.263 ha), tăng 1.041 ha, bình quân mỗi năm trồng mới trên 200ha. Tuyển chọn và nhân giống nhãn lồng Hưng Yên. Giá trị thu được bình quân 1ha canh tác tăng từ 28 triệu đồng/ha (năm 1997) lên 69 triệu đồng/ha năm 2008, có nơi cho thu nhập 100 triệu đồng/ha/năm trở lên, tập trung ở huyện Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ.

Chăn nuôi

Lĩnh vực chăn nuôi ở tỉnh Hưng Yên những năm qua phát triển khá toàn diện cả về năng suất, chất lượng, hiệu quả, quy mô và hình thức chăn nuôi. Tốc độ tăng trưởng ngành chăn nuôi bình quân đạt trên 9%/năm; Năm 2007 giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi đạt 1.002,250 tỷ đồng, (theo giá cố định 1994), chiếm tỷ trọng 40,09% ngành nông nghiệp (tính theo giá hiện hành). Chất lượng con giống tiếp tục được cải thiện theo hướng “nạc hoá đàn lợn, sind hoá đàn bò”

Bảng 2.4: Tình hình chăn nuôi thời kỳ 1997 – 2008

Hạng mục	Đơn vị tính	Qua các năm				
		1997	2001	2005	2007	2008
I. Gia súc						
1 Đàn lợn	Con	335.116	432.228	599.652	600.510	578.046
2 Đàn trâu	Con	8.429	5.513	3.305	2.078	2.034
3 Đàn bò	Con	37.087	29.781	43.234	50.697	46.869
II. Gia cầm	1000con	5.280	5.790	6.496	5.582	6.297
III. Chăn nuôi khác						
1. Mật ong	Tấn	310	122	458	336	436
2. Kén tằm	Tấn		588	1.030	825	981

Nguồn: Niên giám thống kê 2007, 2008 tr. 127

Kinh tế trang trại phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô, năm 2001 có 59 trang trại, đến năm 2008 có 3600 trang trại, trong đó trang trại chăn nuôi chiếm trên 35%.

Kinh tế thủy sản

Thời gian vừa qua, kinh tế thủy sản có bước phát triển. Trong 7 năm qua, toàn tỉnh đã chuyển được hơn 1.000 ha ruộng trũng cấy lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, đưa diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 3.577 ha năm 2001 lên 4.417 ha năm 2008; sản lượng cá đã tăng từ 5.822 tấn năm 2001 lên 16.573 tấn năm 2008. Kết quả này đã làm tăng giá trị sản lượng thủy sản từ 88.198 triệu đồng năm 2001 lên 428,269 tỷ đồng năm 2008, cao gấp 4 lần so năm 1997. Nhịp độ tăng trưởng dịch vụ thủy sản đạt gần 20%/năm, giá trị thực tế đạt bình quân trên 7,5 tỷ đồng/ năm.

Dịch vụ nông nghiệp

Dịch vụ trên địa bàn nông thôn tập trung vào các mặt: giống cây trồng và vật nuôi, tưới tiêu, làm đất, tiêu thụ sản phẩm... Trong những năm gần đây, hoạt động dịch vụ nông nghiệp của tỉnh đã phát triển về số lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong cơ chế thị trường. Tổng giá trị sản xuất của dịch vụ nông nghiệp năm 1997 là: 30.064 triệu đồng, năm 2007 là 122.933 triệu đồng, chiếm 1,68% cơ cấu ngành nông nghiệp.

Có nhiều thành phần kinh tế tham gia đảm nhiệm khâu dịch vụ nông nghiệp: Hộ gia đình, Doanh nghiệp nhỏ, HTX. Ngoài dịch vụ thủy nông, vật tư kỹ thuật cung cấp giống, phân bón thuốc trừ sâu bệnh, thuốc thú y, đã xuất hiện dịch vụ làm đất, tuốt lúa, cấy thuê... ở nhiều địa phương. Đã có các mô hình HTX tổ chức dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Năm 2003 Hưng Yên có 172 HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, trong đó có 17 HTX bước đầu ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

2.2.2. Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, từ năm 2001-2008, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho trên 10 vạn lao động, bình quân 2 vạn người/năm, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 71,5% lên 81,79%. Cơ cấu lao động có bước chuyển tích cực, lao động nông nghiệp giảm từ 80,4% năm 2001 xuống còn 70,9% năm 2005; 60,3% năm 2007 và 50,7% năm 2008, lao động công nghiệp và dịch vụ tăng. Điều này được thể hiện qua bảng 2.5

Bảng 2.5: Tình hình chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2001 -2008

(Đơn vị: %)

Chi tiêu	Qua các năm					
	2001	2003	2004	2005	2007	2008
Nông nghiệp – thủy sản	80,4	77,4	72,3	70,9	60,3	50,7
Công nghiệp- xây dựng	9,2	11,5	14,7	16,7	20,3	26,0
Dịch vụ	10,4	11,1	13,0	12,7	19,4	23,3

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2007, 2008 tr.22

2.2.3. Phát triển thuỷ lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn

Phát triển thuỷ lợi hoá, điện khí hoá, trong sản xuất nông nghiệp nông thôn. Trong 6 năm qua (2001 – 2007), đã xây dựng mới và nâng cấp 21 trạm bơm điện, thay thế những máy bơm cũ hiệu quả thấp, tốn nhiều năng lượng đưa tổng số trạm bơm tưới, tiêu trong toàn tỉnh lên 421 trạm, với 1.068 máy, tổng công suất 1.756.500m³/h. Kiên cố hoá 250km kênh mương các loại, tiết kiệm đất, nâng cao hiệu quả tưới, tiêu. Chủ động tưới, tiêu cho trên 85% diện tích gieo trồng.

Chương trình điện khí hoá nông thôn đã được triển khai thực hiện; 100% số xã có điện sinh hoạt, đưa tỷ lệ hộ dân dùng điện lên 99,95%

Phát triển cơ khí hoá nông nghiệp, nông thôn. Ước tính khoảng 80-90% khâu làm đất ở các địa phương được thực hiện bằng phương tiện cơ giới, 50-60% hoạt động sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ, thiết bị kỹ thuật, nhiều khâu trong sản xuất nông nghiệp được giải phóng sức lao động

Tỷ lệ cơ giới hoá trong các khâu canh tác được nâng cao: trên 90% trong khâu làm đất, 100% khâu tưới và xay xát lúa (trong đó 30% xay xát đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu), 90% khâu vận chuyển. Tỉnh cũng đã đẩy mạnh ứng dụng rộng các tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sau thu hoạch và chế biến nhằm nâng cao chất lượng và giá trị nông sản, đặc biệt với các nông sản nguyên liệu tại chỗ như thóc gạo, ngô, đậu tương, rau quả.v.v...

Tuy nhiên, thực tế hiện nay không phải địa phương nào cũng có phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ khí hoá đạt hiệu quả bởi thực hiện cơ khí hoá nông nghiệp - nông thôn trong giai đoạn hiện nay, tỉnh Hưng Yên phải đối mặt với những khó khăn, thách thức: nền sản xuất đòi hỏi phải trang bị máy móc hiện đại, đồng bộ trong tất cả các khâu từ làm đất, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản, sơ chế và chế biến, nhưng để thực hiện cần một lượng vốn không nhỏ.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Hàng năm, ngành khoa học công nghệ Hưng Yên dành 60% đến 70% kinh phí cho các dự án nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp đã góp phần thu hẹp dần khoảng cách giữa tốc độ tăng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng. việc chuyển giao khoa học kỹ thuật đến với nông dân ở Hưng Yên trong nhiều năm qua đã đạt kết quả tốt, góp phần tích cực phát triển sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng hàng năm trên 4%, năng suất lúa bình quân toàn tỉnh tăng từ 9,8 tấn năm 1997 lên 12,6 tấn năm 2008, trị giá sản xuất tăng từ 28 triệu đồng/ha lên trên 57 triệu đồng/ha.

2.2.4. Công nghiệp chế biến nông sản

Năm 2001 có 17 doanh nghiệp hoạt động chế biến ở quy mô công nghiệp, đến năm 2008 có 65 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này với 15 ngành hàng sản phẩm.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 4.850 hộ gia đình tham gia chế biến nông sản (thu hút được 10 nghìn lao động), 32 HTX tiểu thủ công nghiệp có hoạt động chế biến nông sản. Các hoạt động chính là: xay xát lương thực (hiện có khoảng 2500 máy xay xát với 30% số máy đáp ứng xay xát đủ tiêu chuẩn xuất khẩu cung cấp hàng trăm tấn gạo đánh bóng /ngày cho thị trường Hà Nội). Chế biến thực phẩm (giò, chả, ruốc, thịt...), chế biến long nhãn, táo sấy, mứt quả... (riêng táo khô đạt trên 1.000 tấn/năm), chưng cất tinh dầu hương liệu (bình quân 90 tấn/năm). v.v... Các hoạt động chế biến đã tạo thêm việc làm, thu hút lao động dư thừa và phát triển công nghiệp - dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

2.2.5. Tiểu thủ công nghiệp

Từ năm 1997 đến năm 2003, làng nghề và ngành tiểu thủ công nghiệp tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 12,5%, từ năm 2006 đến năm 2008 tăng bình quân tăng gần 13%/năm.

Giá trị sản xuất của làng nghề chiếm tỷ trọng trên 30% trong tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp: năm 2001 đạt 204 tỷ đồng, năm 2002 đạt 230 tỷ đồng, năm 2003 đạt 278 tỷ đồng; năm 2007 giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp ước đạt 960 tỷ đồng.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển, hiện toàn tỉnh có 86 làng nghề, trong đó 14 làng nghề truyền thống và phát triển trên 18.000 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, trong đó sản xuất 15 nhóm mặt hàng chính, với nhiều loại sản phẩm đa dạng.

Sự phát triển của ngành tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đã góp phần chuyển dịch lao động nông nghiệp - nông thôn và tạo việc làm cho trên 45.000 lao động, doanh thu hàng năm từ TTCN chiếm 61% tổng doanh thu sản xuất của làng nghề; có 71,5% số hộ sử dụng máy móc; 86,97% số hộ sử dụng điện để sản xuất.

Làng nghề, ngành nghề TTCN đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và có khả năng phát triển, từng bước cải thiện đời sống nông dân nông thôn, tạo cơ sở quan trọng cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế chung của tỉnh, cũng như cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Giá trị xuất khẩu hàng tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thể hiện qua bảng 2.6

Bảng 2.6: Tình hình xuất khẩu hàng tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001-2008

(Đơn vị: 1000 USD)

<i>Năm</i>	2003	2005	2007	2008
<i>Giá trị xuất khẩu(1000USD)</i>	407	939	2.650	3.557

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2007, 2008 tr.173

2.2.6. Phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị hoá; xây dựng đời sống văn hoá xã hội và phát triển nguồn nhân lực

- Kết cấu hạ tầng được đầu tư, nâng cấp khá đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, phát huy lợi thế của từng vùng và từng địa phương. Trong 6 năm qua đã đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng số vốn 1.735,804 tỷ đồng.

- Đã quy hoạch điểm dân cư nông thôn tại 108 xã, phường trên tổng số 145 xã và 03 phường mới. Xây dựng quy hoạch khu 5 công nghiệp, 10 đô thị Xây dựng quy hoạch 10 khu công nghiệp làng nghề tập trung

- Giao thông nông thôn tương đối hoàn thiện, đến năm 2007 làm mới và nâng cấp được 1.024 km đường giao thông nông thôn tăng 564 km (so với năm 2002); đưa tổng số đường thôn xã được rải vật liệu cứng đạt trên 70%, tỷ lệ số xã lối mới giao thông đến trục chính lên trên 75%; góp phần thuận tiện cho lưu thông hàng hoá, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp nông thôn.

- Dịch vụ bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư mở rộng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đến năm 2007 đạt 12 máy/100 dân (năm 2002 là 3 máy/100 dân), 100% số xã có bưu cục hoặc điểm bưu điện văn hoá.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, 6 năm qua nhà nước đã bố trí 32,8 tỷ đồng để triển khai xây dựng 12 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung

- Phát triển các dịch vụ công

- *Xây dựng đời sống văn hoá xã hội và phát triển nguồn nhân lực:* trong 6 năm qua là chương trình xoá đói giảm nghèo, số hộ nghèo năm 2007 còn 9,2% theo tiêu chí mới; đến năm 2007 đã có 65% số làng, khu phố văn hoá và trên 80% gia đình văn hoá; Cơ sở vật chất giáo dục, y tế được tăng cường; công tác dạy nghề ngày được chú trọng theo hướng xã hội hoá cùng với các trường, các trung tâm và các cơ sở dạy nghề tư nhân... đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30%, từ các chương trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn tăng.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 1997-2007.

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Xét toàn bộ nền kinh tế của tỉnh Hưng Yên, hơn 10 năm tách tỉnh tỷ trọng của khu vực nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và ngư nghiệp) trong tổng sản phẩm của tỉnh (GDP) đã giảm dần. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng.

Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng liên tục và phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp, đặc biệt là cơ cấu nội bộ ngành có bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Cơ cấu nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt.

Những kết quả đạt được trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung của tỉnh, thực hiện một bước lớn trong kế hoạch xoá đói giảm nghèo của tỉnh.

- Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu lao động cũng có những thay đổi nhất định. Cơ cấu lao động có bước chuyển tích cực, lao động nông nghiệp giảm, lao động công nghiệp và dịch vụ tăng.

- Công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề ở nông thôn bước đầu phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội được quan tâm đầu tư xây dựng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển.

- Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống cây con được đưa vào sản xuất đã thúc đẩy cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ trong năm đã thay đổi hợp lý, tăng nhanh năng suất, chất lượng, chăn nuôi theo hướng hàng hoá tập trung phù hợp với nhu cầu cầu thị trường, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường

- Quan hệ sản xuất từng bước được đổi mới, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp hàng hoá.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Tốc độ chuyển dịch còn chậm

- Cơ cấu lao động chuyển dịch đúng hướng nhưng chậm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp vẫn còn ở mức cao, chiếm gần 50,3% lao động trong tỉnh, thời gian sử dụng trong năm của lao động nông thôn chỉ là 80%, thời điểm nông nhàn số lao động không có việc làm chiếm từ 20-30% tổng số lao động

- Trong quá trình chuyển dịch, các địa phương đã chú ý đưa tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất nhưng còn ở mức thấp, chưa tập trung đầu tư tạo vùng sản xuất hàng hoá, công tác quy hoạch, kế hoạch còn thiếu tính khả thi chưa cao.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế thiếu nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản.

Nguyên nhân của những hạn chế trên:

Trình độ tiếp thu kỹ thuật mới vào sản xuất của người nông dân của người nông dân còn nhiều hạn chế. Thu nhập của người nông dân còn thấp, tích lũy chưa nhiều nên đầu tư cho sản xuất kinh doanh nông nghiệp còn hạn chế.

- Do hạn chế đất nông nghiệp ở Hưng Yên ít, tích tụ đất đai thể hiện chưa rõ, chủng loại cây trồng nhiều, khối lượng từng loại nông sản nhỏ, gây khó khăn cho khâu tiêu thụ nên giá trị nông sản xuất khẩu đạt thấp và khó hình thành các cơ cấu chế biến nông sản với quy mô lớn.

- Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn hạn chế về trình độ, năng lực, tư duy chưa tiếp cận được kinh tế thị trường.

Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn nhiều mặt hạn chế.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN Ở TỈNH HUNG YÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Bối cảnh quốc tế, trong nước và của tỉnh

3.1.1 Bối cảnh quốc tế

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế các nước đang diễn ra nhanh chóng và là quá trình tất yếu và quá trình tham gia hội nhập nền kinh tế các nước trong khu vực và quốc tế là một đòi hỏi khách quan của mỗi nước nếu không muốn tụt hậu. Thế giới đang bước sang thời kỳ phát triển nền “kinh tế tri thức” mà không có một quốc gia nào đứng ngoài xu hướng phát triển này.

Sau thời kỳ đổi mới nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích quan trọng và đang nỗ lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nền kinh tế, nhằm nâng cao đời sống kinh tế văn hóa cho nhân dân, giảm dần khoảng cách, tránh nguy cơ tụt hậu với các nước trong khu vực và thế giới.

Nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của kinh tế khu vực, chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền kinh tế khu vực Đông Nam á - Thái Bình Dương và Tây Nam Trung Quốc. Tiếp tục quá trình hội nhập và phát triển, năm 1-2007 Việt Nam là thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Trong bối cảnh quốc tế đó đang đặt ra cho Việt Nam những cơ hội và thách thức mới để hoà nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

3.1.2. Bối cảnh trong nước và của tỉnh

3.1.2.1. Trong nước

Nền kinh tế của ta trong hơn 20 năm qua đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và rất qua trọng, nhất là đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội, ổn định tình hình kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh chính trị của đất nước

- Tốc độ phát triển kinh tế được xác định trung bình hơn 7%/ năm. Dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ thương mại. Tăng nhanh khả năng phát triển và cạnh tranh của các ngành kinh tế. Đối với ngành nông, lâm nghiệp của cả nước, tốc độ tăng trưởng từ 3,5-4%/năm. Đạt tốc độ phát triển bình quân về giá trị sản lượng nông nghiệp 4 - 5% năm; công nghiệp chế biến tăng 10 - 12%/năm.

Theo nhận định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, những nét cơ bản về sản xuất và các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam từ nay tới giai đoạn 2010-2015 cho thấy: Trong giai đoạn từ nay đến năm 2010-2015, nông nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu chú trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu, mở rộng diện tích

và tăng cường sản lượng của một số sản phẩm trồng trọt chủ yếu có giá trị xuất khẩu đã được khẳng định trong những năm vừa qua

Trong giai đoạn đến năm 2010 -2015, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu là tập trung vào việc nâng cao chất lượng các sản phẩm ở giai đoạn sơ chế, các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chủ yếu đưa ra trong giai đoạn này vẫn dưới dạng các sản phẩm thô, sơ chế là chính.

3.1.2.2. Bối cảnh của tỉnh

Từ ngày được tái lập (ngày 1-1-1997) đến nay Hưng Yên đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế, văn hóa xã hội quan trọng. Mức tăng trưởng kinh tế đạt khá, bình quân đạt 11,87%/năm. Đặc biệt sự tăng đột biến của ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 26,7%/năm đã thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng từ ngành công nghiệp, dịch vụ thương mại. Đó là cơ sở để phấn đấu trước năm 2020 Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp.

Nhiều khu công nghiệp tập trung được xây dựng và đi vào hoạt động.

Sản xuất nông nghiệp Hưng Yên có bước phát triển mới, theo hướng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an toàn sinh thái môi trường.

- Năm 2005- 2008, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cơ bản, tỉnh Hưng Yên phải đối mặt với những khó khăn thách thức, nhất là tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động

Với những yếu tố tác động, vị thế kinh tế mới Hưng Yên có nhiều thuận lợi và thách thức mới trong quá trình phát triển kinh tế. Hưng Yên cần đẩy nhanh tốc độ của các ngành kinh tế, góp phần tích cực vào quá trình phát triển nhanh vùng kinh tế động lực Bắc Bộ và đóng góp vào sự phát triển chung với kinh tế của cả nước, tránh nguy cơ tụt hậu, khi Việt Nam tham gia hội nhập các nước trong khu vực và quốc tế.

3.2. Quan điểm và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Hưng Yên

3.2.1. Quan điểm

- Đầu tư đẩy mạnh phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá được coi là cơ sở ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn: Phát triển nông thôn Hưng Yên phải gắn liền với quá trình chuyển đổi tích cực và nhạy bén cơ cấu kinh tế, hướng tới một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, dựa trên cơ sở phát huy thế mạnh và các lợi thế so sánh của tỉnh như: vị trí địa lý - kinh tế

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp chế biến để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, hoàn thiện hệ thống thuỷ lợi, thúc đẩy cơ giới hoá, điện khí hoá nhằm tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ vào sản xuất nông thôn. Tăng tỷ trọng lao động được đào tạo trong tổng lao động nông thôn đồng thời với việc nâng cao chất lượng đào tạo

- Hướng tới một nền nông nghiệp sạch và chất lượng ngày càng cao đảm bảo cho phát triển bền vững, trong đó phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ và cải thiện các điều kiện môi trường sinh thái.

- Phát triển ngành nghề, tạo việc làm, thu hút lao động dư thừa, xoá đói giảm nghèo trên cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

- Hình thành những đô thị nhỏ (thị trấn, thị tứ, cụm dân cư) theo hướng văn minh ở các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung và các làng nghề thủ công.

- Nông thôn mới phải xây dựng dựa trên cơ sở nền tảng phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại

3.2.2. Mục tiêu

3.2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên phải “hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và có khả năng cạnh tranh cao” phát triển mạnh, vững chắc, có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn; tăng nhanh tỷ trọng những ngành này trong cơ cấu nông - công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh và của đất nước là hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp -nông nghiệp - dịch vụ, đưa đất nước ta nói chung và tỉnh Hưng Yên nói riêng cơ bản trở thành một nước công nghiệp

3.2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Trong các thời kỳ từ 2010-2015 kinh tế nông thôn Hưng Yên phải đạt các mục tiêu cụ thể sau:

- Tốc độ tăng trưởng hàng năm 14%, trong đó GDP trong nông nghiệp tăng bình quân từ 4,5%-5%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng 17%; Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

- Phần đầu nền kinh tế có tỷ suất hàng hoá cao, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 25%, thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài, thời kỳ 2006 - 2010 tổng vốn đầu tư xã hội dự kiến đạt 36 - 38% GDP, thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 40 - 50%

- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 947 USD (giá hiện hành), năm 2015 đạt 1.914 USD và năm 2020 đạt 3.342 USD, bằng 167% so với mức bình quân cả nước.

Bảng 3.1: dự kiến chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2010 và 2020 của tỉnh Hưng Yên

Đơn vị: %

Tỉnh	Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	2010	2020	2010	2020	2010	2020
Hưng Yên	20	8	47	52	33	40

Nguồn: Xử lý của tác giả từ nguồn số liệu của cục địa phương

Trong giai đoạn đến năm 2015 nông nghiệp vẫn là ngành giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Hưng Yên.

Đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành trồng trọt 38,54%; chăn nuôi và thủy sản 61,46%.

- Sản xuất làng nghề (chủ yếu là cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp) sẽ tăng 20% vào năm 2010 Dự kiến đến năm 2015-2015, Hưng Yên sẽ đưa số làng nghề từ 85 lên 150 - 170 làng nghề; hình thành 10 cụm làng nghề TTCN.

- Quy hoạch thương mại, du lịch, dịch vụ: Đến 2015, tỷ trọng GTSX ngành chiếm 33% tổng GTSX

Phấn đấu từ nay đến năm 2010-2015, 100% số huyện, thị xã có chợ trung tâm kiên cố hoặc bán kiên cố. Sau năm 2010, sẽ đầu tư xây dựng 20 chợ ở các xã chưa có chợ

3.2.3. Những giải pháp cơ bản thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở tỉnh Hưng Yên

3.2.3.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế- xã hội ở từng vùng, từng ngành nhằm định hướng, thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn mới ra đời phát triển vững chắc ở địa phương

- Bố trí sắp xếp lại cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với thị trường và phù hợp với điều kiện đất đai sinh thái của từng vùng; tăng nhanh tỷ trọng cây trồng có giá trị kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ lớn.

Vì vậy cần phát triển ổn định và vững chắc cây lương thực nhằm đóng góp tích cực vào việc đảm bảo an toàn lương thực của Quốc gia.

3.2.3.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn

- củng cố và nâng cao hiệu quả của các trường dạy nghề hiện có, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư; đào tạo nghề, phát triển nghề, mở rộng các loại hình dạy nghề, nhất là loại hình đào tạo nghề tại chỗ phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở từng vùng. Đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực cho CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn đến năm 2015 cơ cấu lao động nông nghiệp 49%, công nghiệp xây dựng 26%, dịch vụ 25%.

- Cần tăng cường kinh phí để hoạt động dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn có thêm cơ hội phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu, góp phần đưa tỷ lệ sử dụng quỹ thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80%

3.2.3.3. Tăng cường đầu tư công nghiệp nông thôn nhất là chế biến nông nghiệp, thủy sản

Trong những năm trước mắt hướng phát triển chế biến nông sản ở Hưng Yên là chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ và tăng cường công suất của các cơ sở hiện đã có, đồng thời đầu tư tập trung xây

dựng một số cơ sở chế biến mới phù hợp với quy mô và cơ cấu nông sản nguyên liệu trên địa bàn tỉnh

3.2.3.4. Phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp, khôi phục các làng nghề truyền thống

Tỉnh cần tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển nghề; hỗ trợ cung cấp thông tin, tiếp thị sản phẩm, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh; xây dựng mô hình điểm trình diễn kỹ thuật sản xuất để nhân rộng, phổ biến cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, lựa chọn các ngành nghề công nghiệp nông thôn có khả năng phát triển lâu dài, ổn định; hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu

3.2.3.5. Tăng cường hiệu quả chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ tạo ra giống cây, con mới có năng suất cao và chất lượng tốt

- Tỉnh cần khuyến khích mạnh mẽ việc ứng dụng những khoa học công nghệ mới trong việc lai tạo giống cây trồng, gia súc có năng suất cao, phẩm chất tốt phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên đất đai ở địa phương

Tăng cường công nghệ bảo quản và chế biến nông sản để giảm thiểu tối đa tổn thất sau thu hoạch. Đồng thời gia tăng giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường

3.2.3.6. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn

- Trong thời gian tới các sở, ngành, địa phương cần tiếp tục xã hội hoá xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đẩy mạnh các hình thức kết hợp “Nhà nước- Địa phương- Nhân dân” cùng làm về xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống

- Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, các tổ chức tài trợ và nguồn vốn vay ODA, từng bước hiện đại hoá cơ sở hạ tầng nông thôn

- Phát triển, khai thác thế mạnh của các ngành dịch vụ còn nhiều tiềm năng

3.2.3.7. Phát huy mạnh mẽ các nguồn lực trong dân và doanh nghiệp thông qua việc tiếp tục triển khai các Nghị quyết Trung ương và của tỉnh tạo ra sự đồng bộ và đa dạng về quan hệ sản xuất nhằm khai thác và phát huy các tiềm năng của địa phương và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào địa phương

3.2.3.8. Hoàn thiện đổi mới một số chính sách kinh tế- xã hội ở địa bàn nông thôn

Chính sách thị trường

Chính sách đầu tư, tín dụng

Thực hiện chính sách giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân

Chính sách thuế sử dụng đất

Chính sách xã hội nông thôn

Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

Từ thực tế xu hướng phát triển thế giới và thực tiễn phát triển của Việt Nam, trước mắt chúng ta cần tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá một cách thành công. Để thực hiện được điều đó, chúng ta cần đảm bảo quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nông nghiệp và nông thôn luôn là mối quan tâm của các nhà hoạch định chính sách và sách lược phát triển của nước ta.

Là tỉnh đồng bằng thuần tuý nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hưng Yên có những lợi thế nhất định trong phát triển kinh tế-xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp-nông thôn nói riêng. Tới nay nông nghiệp là ngành vẫn chiếm tỷ trọng hàng đầu trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Hưng Yên. Bởi vậy phát triển nông nghiệp đi đôi với cải thiện bộ mặt nông thôn Hưng Yên là cơ sở để tạo tiền đề thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Hưng Yên còn chậm, chưa phát huy được những lợi thế và tiềm năng của tỉnh nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn có hiệu quả.

Trước thực trạng đó, giải pháp nào để đảm bảo sự bền vững của chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hưng Yên. Để trả lời câu hỏi đó, luận văn đã đưa ra các định hướng chung và cụ thể về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo quan điểm chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; dự báo sự chuyển dịch của kinh tế nông thôn ở Hưng Yên để đưa ra các giải pháp đúng đắn. Các giải pháp cụ thể về nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với phát triển; về nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch theo quan điểm chuyển dịch có hiệu quả; về phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ; đẩy mạnh thị trường tiêu thụ sản phẩm là những giải pháp có tính then chốt và cần thực hiện một cách đồng bộ với lộ trình hợp lý mới đảm bảo được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của tỉnh Hưng Yên theo hướng hiệu quả.

Với hệ thống các luận điểm, phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp, tác giả hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ để làm cơ sở lý thuyết và thực tiễn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và ứng dụng cụ thể cho một tỉnh quan trọng của vùng đồng bằng Bắc Bộ

2. Kiến nghị

Phạm vi nghiên cứu của luận văn rộng, đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đây là những vấn đề lớn được nhiều người quan tâm nên việc xây dựng hệ thống các luận điểm, giải pháp cần phải có thời gian kiểm

nghiệm và hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, tác giả mong các tổ chức cá nhân có liên quan tiếp tục quan tâm thực hiện trong thời gian cụ thể bao gồm:

- Tỉnh cần có sự chỉ đạo các ngành phối hợp chặt chẽ thực hiện các giải pháp chính đã đề ra, giúp nông dân tháo gỡ những khó khăn về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hiện nay.

- Đề nghị Trung ương, cùng các Bộ có liên quan cần có những quyết sách mạnh để hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp đặc biệt là mở rộng thị trường tiêu thụ và chế biến nông sản của vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước.

- Các địa phương trong tỉnh cần chú trọng hơn nữa việc phát huy và tận dụng tối đa các tiềm năng, thế mạnh của mình để đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiệu quả, tránh sự phát triển tự phát, theo phong trào vừa kém hiệu quả, vừa không đảm bảo sự bền vững.

- Đề nghị cho triển khai một số dự án ưu tiên nhằm tạo ra sự đột phá trong chuyển dịch kinh tế nông thôn của tỉnh trong thời gian tới.